

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2017/DS – ST

Ngày: 10/7/2017

V/v “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Võ Bá Tùng

2. Bà Nguyễn Thị Tố Mỹ

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vương Thị Thùy Trang – Thư ký Toà án nhân dân thành phố B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Sanh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2017/TLST-DS ngày 24-03-2017 về tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2017/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 06 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2017/QĐST-DS ngày 29/6/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng A (VP Bank).

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng C Tòa nhà D, Số F đường H, phường G, quận X, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí Z – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hiền C – Chức vụ: Trưởng phòng thu hồi nợ pháp lý kiêm quản lý pháp chế cho phòng an ninh và phòng kiểm soát gian lận, phòng thu hồi nợ pháp lý, trung tâm thu hồi nợ - Khối tín dụng tiêu dùng – Ngân hàng A (Theo văn bản ủy quyền số 16/2016/UQ-CT ngày 10/8/2016 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng A);

Ông Lê Hiền C ủy quyền lại cho ông Dương Thanh T, sinh năm 1987 (có mặt).

HKTT: Tổ Q, ấp Đ, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Địa chỉ liên hệ: Số M đường C, phường T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Theo Văn bản ủy quyền số 569/2017/UQ-GĐK-TDĐT ngày 24/02/2017 của Trưởng phòng thu hồi nợ pháp lý kiêm quản lý pháp chế cho phòng an ninh và

phòng kiểm soát gian lận, phòng thu hồi nợ pháp lý, trung tâm thu hồi nợ - Khối tín dụng tiêu dùng – Ngân hàng A)

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Vũ Minh C, sinh năm 1989(có mặt).

Trú tại: Số P, đường J, phường O, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24-2-2017, quá trình hòa giải tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Do năm 2014, ngân hàng A có chính sách giảm tỷ lệ nợ xấu nên ngân hàng đã thỏa thuận với bà C về việc tắt toán hợp đồng tín dụng cũ trước thời hạn và nhận nợ khoản vay mới. Vì thế, ngày 23/10/2014 bà Nguyễn Vũ Minh C ký hợp đồng tín dụng số 20141023-0008 với Ngân hàng A vay số tiền 55.029.230 (Trong đó nợ gốc của khoản vay cũ là 36.008.790 đồng, số tiền thực nhận ghi giải ngân là 16.400.000 đ, phí bảo hiểm là 2.620.440đ) với lãi suất 2.91%/tháng tính theo dư nợ gốc trả giảm dần, để vay tiêu dùng cá nhân, không có thế chấp tài sản. Theo thỏa thuận hợp đồng, bà C có trách nhiệm thanh toán số tiền 90.183.000đ, (Trong đó tiền gốc là 55.029.230 đ, tiền lãi là 35.153.771đ) trả chậm trong 36 tháng, theo đó 35 tháng đầu mỗi tháng trả 2.490.000 đồng, tháng cuối trả 3.033.000 đồng, thanh toán vào ngày 01 hằng tháng. Bắt đầu từ ngày 01/12/2014.

Thực hiện hợp đồng, bà C đã nhận đủ số tiền đã vay và thanh toán cho Ngân hàng 8 kỳ với tổng số tiền 19.920.000 đồng, trong đó tiền gốc 7.584.600đ và lãi 12.335.400đ. Vậy đến nay bà C còn nợ 70.263.000 (Bảy mươi triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn đồng). Tuy nhiên vì xét thấy hoàn cảnh bà C nên ngân hàng giảm 3.705.525 đ cho bà C.

Vì vậy Nay ngân hàng đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Vũ Minh C phải thanh toán cho Ngân hàng A số tiền còn nợ là 66.557.475 đ (Sáu mươi sáu triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm bảy mươi lăm đồng), trong đó tiền gốc là 47.444.630đ, tiền lãi là 19.112.845 đ cùng với tiền lãi chậm thanh toán phát sinh (tính đến ngày xét xử) một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực phát luật.

Ngân hàng xác định chỉ yêu cầu cá nhân bà Nguyễn Vũ Minh C có trách nhiệm thanh toán nợ ngân hàng, vì bà C vay với mục đích là tiêu dùng cá nhân nên Ngân hàng không yêu cầu chồng bà C cùng có trách nhiệm thanh toán.

Tại bản khai, quá trình hòa giải tại tòa và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Vũ Minh C trình bày:

Về tất cả quá trình ký kết các hợp đồng tín dụng giữa bà và Ngân hàng A, về số nợ gốc và lãi tồn đọng bà đồng ý với lời trình bày của Ngân hàng. Tuy nhiên hiện nay bà cũng đang rất khó khăn nên bà không có khả năng thanh toán một lần cho Ngân hàng.

Bà đã thanh toán cho ngân hàng được 8 tháng với tổng số tiền là 19.920.000đ (trong đó tiền gốc là 7.584.600đ và tiền lãi là 12.335.400đ. Nay bà yêu cầu ngân hàng giảm toàn bộ 19.112.845 đ tiền lãi cho bà, còn tiền nợ gốc

47.444.630 đ bà đề nghị Ngân hàng cho bà thanh toán mỗi tháng 1.000.000đ cho tới khi hết toàn bộ số nợ.

Bà C xác định số nợ trên bà vay với mục đích tiêu dùng cá nhân, không liên quan đến chồng bà, nên bà sẽ có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự có ý kiến như sau:

-Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện. Việc thu thập chứng cứ đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với Hội thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án: Đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà C có nghĩa vụ thanh toán số nợ 66.557.475đ (sáu mươi sáu triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm bảy mươi lăm đồng). Trong đó nợ gốc là 47.444.630đ (Bốn mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm ba mươi đồng), tiền lãi là 19.112.845đ (mười chín triệu một trăm mười hai nghìn tám trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) cho ngân hàng A.

-Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải nộp, lệ phí và án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

-Về thủ tục tố tụng:

Ngân hàng A khởi kiện bà Nguyễn Vũ Minh C về tranh chấp hợp đồng tín dụng không có mục đích kinh doanh được ký kết giữa các bên, nên Tòa án xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thành phố B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung:

[1]Lời khai của đại diện Ngân hàng A tại phiên tòa hôm nay về quá trình ký kết và nội dung hợp đồng tín dụng, hoàn toàn phù hợp với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án gồm: Bản sao đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng; bản sao văn bản thỏa thuận về việc tắt toán hợp đồng tín dụng trước thời hạn và nhận nợ khoản vay mới; Thông tin bảo hiểm dư nợ cá nhân.

Do vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ để kết luận: Ngày 23/10/2014, bà C đã ký hợp đồng tín dụng vay của ngân hàng A số tiền gốc là 55.029.230 đ, với lãi suất

2.91%/tháng là có thật. Bà C là người vay tiền và đã nhận đầy đủ số tiền vay, kỳ hạn trả nợ lần đầu ngày 01/12/2014 và kỳ hạn trả nợ cuối cùng là ngày 01/11/2017. Tuy nhiên bà C chỉ mới thanh toán cho ngân hàng được 08 kỳ (08 tháng) với tổng số tiền 19.920.000 đồng, trong đó tiền gốc 7.584.600đ và lãi 12.335.400đ, còn lại 18 kỳ (18 tháng) bà C không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận là vi phạm hợp đồng. Xét mục đích vay của bà C để tiêu dùng cá nhân bằng hình thức tín chấp, không thế chấp tài sản bảo đảm, khi ký kết hợp đồng chỉ cá nhân bà C, không có chồng bà C tham gia giao dịch, mặt khác Ngân hàng xác định chỉ yêu cầu cá nhân bà C thanh toán nợ và bản thân bà C cũng xác nhận việc bà vay nợ không liên quan đến chồng của bà nên Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định đây là nợ cá nhân của bà C.

[2] Bà C đã nộp cho Tòa án 08 Giấy chứng nhận nộp tiền bản chính (Chứng nhận nộp tiền ngày 01/12/2014; Chứng nhận nộp tiền ngày 30/12/2014; Chứng nhận nộp tiền ngày 30/01/2015; Chứng nhận nộp tiền ngày 06/02/2015; Chứng nhận nộp tiền ngày 10/03/2015; Chứng nhận nộp tiền ngày 15/5/2015; Chứng nhận nộp tiền ngày 04/06/2015; Chứng nhận nộp tiền ngày 20/7/2015). Kể từ ngày 20/7/2015 cho đến nay bà C không thanh toán thêm khoản nào cho Ngân hàng nữa vì bà C bị thất nghiệp là hoàn toàn phù hợp với lời khai của nguyên đơn. Như vậy, việc Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu bà C có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 47.444.630 đ còn lại là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tiền lãi: Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20141023-1130003-0008 có thỏa thuận về lãi suất. Tại thời điểm vay, các bên thỏa thuận lãi suất là 2.91%/tháng tức 34,8%/năm là vượt quá lãi suất giới hạn theo khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự tức vượt quá 150% của khoản tiền vay. Tuy nhiên do thỏa thuận giữa bà C và ngân hàng là thỏa thuận về Hợp đồng tín dụng nên phải chịu sự điều chỉnh của luật tổ chức tín dụng, theo khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng mà không theo quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa hôm nay phía ngân hàng yêu cầu bà C thanh toán 19.112.845đ (mười chín triệu một trăm mười hai nghìn tám trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), vậy ngân hàng đã giảm cho bà C 3.705.525đ. Tính theo Hợp đồng tín dụng và lời khai của ngân hàng thì hạn thanh toán cuối cùng của Hợp đồng là ngày 01/11/2017. Tuy nhiên Ngân hàng chỉ yêu cầu tiền lãi đến ngày xét xử, không yêu cầu tiền lãi đến ngày 01/11/2017. Xét yêu cầu về tiền lãi này của ngân hàng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về phần lãi chậm trả: tại phiên tòa, ngân hàng đồng ý cho bị đơn tiếp tục trả lãi trên số tiền nợ gốc còn lại từ ngày xét xử (10/7/2017) cho đến khi trả hết nợ, lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí:

- Bà C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền nợ phải thanh toán theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 3 điều 26 và khoản 1 điều 35, Điều 36, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005
- Khoản 2 Điều 3, Khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng.
- Điều 5, điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với bà Nguyễn Vũ Minh C

1. Buộc bà Nguyễn Vũ Minh C phải thanh toán cho của Ngân hàng A tổng số nợ tính đến ngày 10/7/2017 là 66.557.475đ (Sáu mươi sáu triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm bảy mươi lăm đồng). Trong đó nợ gốc là 47.444.630đ (Bốn mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm ba mươi đồng), tiền lãi là 19.112.845đ (Mười chín triệu một trăm mười hai nghìn tám trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) và tiếp tục trả lãi trên số tiền nợ gốc từ ngày 10/7/2017 cho đến khi trả hết nợ, mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Vũ Minh C phải nộp 3.327.874đ (Ba triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn tám trăm bảy mươi bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền 1.663.000đ (Một triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004271 ngày 23/03/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THA DS thành phố B;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Văn Thị Hiền

Văn Thị Hiền

